| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG**<br>_____ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>_____ |
| Bản án số: 203/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày: 27/6/2024<br>*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thanh**.

Bà **Mai Thị Thảo**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-HNST ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1999.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC T phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1998,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; Địa chỉ: KDC C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị* Đỗ Thị H *trình bày:* Chị và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 21/9/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế và quản lý tài chính dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Cùng năm 2018 anh T đi lao động tại Đài Loan từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và xa cách, anh T rất ít khi liên lạc với chị mà chủ yếu liên lạc về cho bố mẹ anh, anh cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con và trang trải cuộc sống gia đình. Năm 2020 chị cũng đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng có gặp nhau một lần nhưng lại xảy ra xô xát, cãi vã căng thẳng từ đó vợ chồng không gặp nhau, không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Sơn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 19/11/2016, hiện con đang ở với bà nội là bà Nguyễn Thị N. Chị đề nghị giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam, chị đề nghị giao con cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị H đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác

định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nguyên K và nhất trí việc chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N thay anh chăm sóc con Nguyễn Nguyên K cho đến khi anh về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh T trình bày: Bà nhất trí có trách nhiệm chăm sóc cháu Nguyễn Nguyên K cho đến khi anh T về nước.

Con chung của chị H và anh T là cháu Nguyễn Nguyên K có nguyện vọng được ở với anh T và bà N.

*Người được chị* H *ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị* Vũ Thị C *trình bày:* Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn chị đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Sơn T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Nguyên K cho anh T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi; tạm giao cháu Nguyễn Nguyên K cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc cho đến khi anh T về nước. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị H và bị đơn anh Nguyễn Sơn T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại KDC C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện anh chị đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị H không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Vũ Thị C nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn và các tài liệu của chị đã được Văn phòng K1 tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 21/9/2018 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế nên đến năm 2018 anh T đi lao động tại Đài Loan nhưng anh không quan tâm và không gửi tiền về cho chị. Năm 2020 chị cũng sang lao động tại Đài Loan, tuy nhiên vợ chồng không sống gần nhau, anh chị có gặp nhau một lần nhưng lại xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị H và anh T là Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 19/11/2016, hiện đang ở với bà Nguyễn Thị N. Chị H và anh T thống nhất giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước. Bà Nguyễn Thị N nhất trí thay anh T chăm sóc cháu Nguyễn Nguyên K. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng; tạm giao cháu Nguyễn Nguyên K cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc cho đến khi anh T về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị H, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên*:

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Sơn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Sơn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 19/11/2016 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Nguyễn Nguyên K cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc cho đến khi anh T về nước.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ khi anh* T *có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị* H *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000560 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Vũ Thị C nộp thay), chị H còn phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng).*

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Sơn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**